ENGLISH 5

UNIT 16: SEASONS AND THE WEATHER.

LESSON 3

I.NEW WORDS

1.dress	(n): áo đầm
2.shorts	(n): quần sooc
3.hat	(n): cái mũ
4.summer outfits	(n): trang phục mùa hè
5.scarf	(n): khăn quàng cổ
6.winter clothes	(n): quần áo mùa đông
7.climate	(n): khí hậu
8.blooming flower	(n): hoa nở
9.festival	(n): lễ hội
10.ideal	(adj): lý tưởng
11.holiday	(n): ngày nghỉ
12.indoor sports	(n): thể thao ngoài trời
13.typical	(adj): điển hình , tiêu biểu

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS